

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 24/5/1988; Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà với ông T sống chung, đến ngày 22/5/2009 làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng có 02 người con chung là Lâm Tân P, sinh ngày 30/11/2009 và Lâm Thị Ngọc Q, sinh ngày 03/6/2013. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, ông T thường xuyên uống rượu say chửi bới và đánh vợ nên khi con thứ hai được gần 02 tuổi thì bà về nhà mẹ ruột sống đến nay gần 08 năm, trong thời gian ly thân vợ chồng thỉnh thoảng gặp hoặc liên hệ qua điện thoại trao đổi chuyện của con, bà cũng khuyên ông T bớt uống rượu để vợ chồng hàn gắn nhưng ông T không đồng ý sửa đổi. Đến nay bà không còn tình cảm với ông T nên khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, bà xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với

ông T và yêu cầu nuôi con chung tên Lâm Thị Ngọc Q, đồng ý giao con chung tên Lâm Tân P cho ông T nuôi dưỡng. Bà không không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con là Lâm Thị Ngọc Q và bà cũng không phải cấp dưỡng ngược lại.

Bị đơn ông Lâm Văn T vắng mặt, quá trình giải quyết có ý kiến trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà N, đồng ý giao con chung tên Lâm Thị Ngọc Q cho bà N nuôi dưỡng và ông yêu cầu nuôi con tên Lâm Tân P, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn tuân thủ nghiêm nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T, giao cho bà Nguyễn Thị N được nuôi con chung tên Lâm Thị Ngọc Q và ông Lâm Văn T được nuôi con chung tên Lâm Tân P. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con không có yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 22/5/2009 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng qua lời khai của bà N và ông T thì hôn nhân của họ không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và nay ông T đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có hai người con chung là Lâm Tân P, sinh ngày 30/11/2009 và Lâm Thị Ngọc Q, sinh ngày 03/6/2013. Xét thấy, bà N có yêu cầu nuôi con chung là Lâm Thị Ngọc Q và ông T có yêu cầu nuôi con chung là Lâm Tân P, do cháu Q sống với bà N và cháu P sống với ông T từ khi vợ chồng ly thân nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ngọc Q cho bà N và giao cháu Tân P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Về cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lâm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị N được nuôi con chung tên Lâm Thị Ngọc Q, sinh ngày 03/6/2013 và ông Lâm Văn T được nuôi con chung tên Lâm Tân P, sinh ngày 30/11/2009 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lâm Văn T, bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T, bà N thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008091 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai